

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 05831/2025/PKQ/25.3811

## I. THÔNG TIN CHUNG

|                      |                                                                                                                     |
|----------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Tên khách hàng       | Công ty Cổ phần đầu tư nước sạch Sông Đà                                                                            |
| Địa chỉ              | Xóm Vật Lại, xã Thịnh Minh, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam                                                                  |
| Thông tin mẫu        | Tuyến ống truyền tải nước sạch cấp 1 ống cốt sợi thủy tinh km 16 + 200 Đại lộ Thăng Long (Thời gian Ngày 16/9/2025) |
| Loại mẫu             | Nước sinh hoạt                                                                                                      |
| Ngày nhận mẫu        | 16/09/2025                                                                                                          |
| Thời gian thử nghiệm | 16/09/2025 - 25/09/2025                                                                                             |

## II. KẾT QUẢ

| TT                  | Thông số                                                           | Đơn vị    | Phương pháp phân tích | Kết quả          | QCVN 01-1:2024/BYT |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------|-----------|-----------------------|------------------|--------------------|
| Các thông số nhóm A |                                                                    |           |                       |                  |                    |
| 1                   | Coliform <sup>(+)</sup>                                            | CFU/100mL | TCVN 6187-1:2019      | KPH (LOD=1)      | < 1                |
| 2                   | E.Coli <sup>(+)</sup>                                              | CFU/100mL | TCVN 6187-1:2019      | KPH (LOD=1)      | <1                 |
| 3                   | Màu sắc <sup>(+)</sup>                                             | TCU       | SMEWW 2120C:2023      | KPH (LOD=3)      | 15                 |
| 4                   | Mùi <sup>(+)</sup>                                                 | Cảm quan  | HD.QT.08-01-W89       | Không có mùi lạ  | Không có mùi lạ    |
| 5                   | pH <sup>(+)</sup>                                                  | -         | TCVN 6492:2011        | 7,0              | 6 ÷ 8,5            |
| 6                   | Độ đục <sup>(+)</sup>                                              | NTU       | SMEWW 2130B:2023      | <0,60            | 2                  |
| 7                   | Asen (As) <sup>(+)</sup>                                           | mg/L      | US EPA Method 6020A   | KPH (LOD=0,0005) | 0,01               |
| 8                   | Clo dư tự do <sup>(+)</sup>                                        | mg/L      | TCVN 6225-2:2012      | 0,41             | 0,2 ÷ 1            |
| 9                   | Chỉ số pecmanganat <sup>(+)</sup>                                  | mg/L      | TCVN 6186:1996        | KPH (LOD=0,2)    | 2                  |
| 10                  | Amoni (NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> ) (tính theo N) <sup>(+)</sup> | mg/L      | TCVN 6179-1:1996      | KPH (LOD=0,03)   | 1                  |

**Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- QCVN 01-1:2024/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt;
- Mẫu do khách hàng gửi đến.

PHÒNG PHÂN TÍCH HOÁ - SINH

KS. Trần Thị Thu Huế

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2025

VIỆN TRƯỞNG

TS. Bùi Đức Trung